

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **468/2022/DS-ST**
Ngày: 15 – 11 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thái Hoàn Xanh

2/ Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2020/TLST-DS ngày 20/10/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 815/2022/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 814/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Thanh Q, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 58/7B đường T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Dương Thanh Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 58/7B đường T, xã T, huyện H n, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 005053, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Mai Lê Thanh N, sinh năm 1985 và bà Phạm Thị Huỳnh A, sinh năm 1987; Địa chỉ: 93/23 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Dương Thanh Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Giữa vợ chồng ông (Dương Thanh Q, Nguyễn Thị Kim T) và vợ chồng ông Mai Lê Thanh N, bà Phạm Thị Huỳnh A là bạn bè quen biết nên ông N và bà A có vay tiền của vợ chồng ông để kinh doanh vé số. Vợ chồng ông đã cho ông N, bà A vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 850.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Giấy vay tiền ngày 25/7/2016, số tiền vay là 200.000.000 đồng. Nội dung vay tiền theo giấy mượn tiền này, hai bên không có thỏa thuận về thời vay tiền nhưng đó ông có thông báo yêu cầu ông N và bà A phải trả lại số tiền này cho vợ chồng ông chậm nhất là trước ngày 09/4/2017, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 1,5%/tháng tính từ ngày hợp đồng vay cuối cùng là ngày 01/11/2016. Giấy biên nhận tiền này do ông N tự viết tay.

- Giấy vay tiền ngày 27/7/2016, số tiền vay là 200.000.000 đồng. Nội dung vay tiền theo giấy mượn tiền này, hai bên không có thỏa thuận về thời vay tiền nhưng đó ông có thông báo yêu cầu ông N và bà A phải trả lại số tiền này cho vợ chồng ông chậm nhất là trước ngày 09/4/2017, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 1,5%/tháng tính từ ngày hợp đồng vay cuối cùng là ngày 01/11/2016. Giấy biên nhận tiền này do ông N tự viết tay.

- Giấy vay tiền ngày 01/8/2016, số tiền vay là 200.000.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/9/2016. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 1,5%/tháng. Giấy vay tiền này do ông N tự viết tay.

- Giấy biên nhận tiền ngày 01/11/2016, số tiền vay là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/02/2017. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 1,5%/tháng. Giấy biên nhận do bà A tự viết tay.

Quá trình vay tiền theo 04 giấy vay tiền nêu trên, vợ chồng ông đưa tiền trực tiếp cho ông N và bà A. Lúc giao tiền, vợ chồng ông N và bà A viết giấy vay tiền và ký xác nhận cho vợ chồng ông. Giữa hai bên vay tiền không có thế chấp tài sản gì.

Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông Mai Lê Thanh N và bà Phạm Thị Huỳnh A trả nợ nhưng ông N, bà A không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, nay vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu ông Mai Lê Thanh N và bà Phạm Thị Huỳnh A phải trả cho vợ chồng ông toàn bộ số tiền theo 04 giấy vay tiền nêu trên là 850.000.000 đồng cùng với lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 10/5/2022 là 765.000.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Mức lãi suất ông yêu cầu là do vợ chồng ông và phía bị đơn đã thỏa thuận bằng lời nói với nhau trong quá trình vay tiền nên ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc giữa hai bên có thỏa thuận về lãi suất này.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho ông Mai Lê Thanh N và bà Phạm Thị Huỳnh A nhưng ông N, bà A không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Rút lại toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với giấy vay tiền ngày 01/8/2016. Yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc của ba giấy vay tiền ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 là 650.000.000. Yêu cầu tính lãi đối với từng giấy vay tiền như sau: Giấy vay tiền ngày 25/7/2016 và Giấy vay tiền ngày 27/7/2016 tính lãi từ ngày 09/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm; Giấy vay tiền ngày 01/11/2016 tính lãi từ ngày 02/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với giấy vay tiền ngày 01/8/2016. Yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc của ba giấy vay tiền ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 là 650.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi đối với từng giấy vay tiền như sau: Giấy vay tiền ngày 25/7/2016 và Giấy vay tiền ngày 27/7/2016 tính lãi từ ngày 09/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm; Giấy vay tiền ngày 01/11/2016 tính lãi từ ngày 02/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với Giấy vay tiền đề ngày 01/8/2016. Về án phí: Ông Mai Lê Thanh N, bà Phạm Thị Huỳnh A chịu án phí và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện, các giấy vay tiền ngày 25/7/2016, 27/7/2016, 01/8/2016 và ngày 01/11/2016, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Mai Lê Thanh N, bà Phạm Thị Huỳnh A: Do ông N, bà A vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông N, bà A.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Ông Dương Thanh Q và bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ông Mai Lê Thanh N và bà Phạm Thị Huỳnh A trả số tiền nợ gốc còn nợ của các giấy vay tiền ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 là 650.000.000 đồng:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 và lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền của ba giấy vay tiền trên là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình vay, bị đơn chưa trả được cho nguyên đơn khoản tiền nào.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn vẫn không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông N và bà A không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Ông N và bà A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền của 03 giấy vay tiền đề ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 là 650.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ nêu trên cho nguyên đơn.

Nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với giấy vay tiền đề ngày 01/8/2016 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Yêu cầu tính lãi đối với từng giấy vay tiền: Giấy vay tiền ngày 25/7/2016 và Giấy vay tiền ngày 27/7/2016 tính lãi từ ngày 09/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm; Giấy vay tiền ngày 01/11/2016 tính lãi từ ngày 02/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật:

Trong các giấy vay tiền đề ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận về lãi suất vay. Tại các buổi làm việc, hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các giấy vay tiền đề ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 đều là hợp đồng vay không có lãi.

Căn cứ các giấy vay tiền ngày 25/7/2016, 27/7/2016 và ngày 01/11/2016 xác định đây là hợp đồng được xác lập trước ngày 01/01/2017.

Theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tối cao hướng dẫn:

“1. Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01-01-2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 bắt đầu có hiệu lực) thì việc áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất xác định như sau:

c) Hợp đồng đang được thực hiện là hợp đồng mà các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định.

....

3. Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng có lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 hướng dẫn tại khoản 1 Điều này khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

.....

c) Lãi, lãi suất được Bộ luật Dân sự quy định nhưng pháp luật trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thì hành khác.”

Vì vậy, trong trường hợp này phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

* Đối với Giấy vay tiền ngày 25/7/2016 và Giấy vay tiền ngày 27/7/2016: Căn cứ Thông báo đòi nợ, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ nợ vay trước ngày 09/4/2017 thì ngày gian chậm trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 09/4/2017:

$400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/365 \text{ ngày} \times 2046 \text{ ngày} = 224.219.178 \text{ đồng}.$

* Đối với Giấy vay tiền ngày 01/11/2016, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/02/2017:

$250.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/365 \text{ ngày} \times 2478 \text{ ngày} = 169.726.027 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

650.000.000 đồng + 224.219.178 đồng + 169.726.027 đồng = 1.043.945.205 đồng.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.043.945.205 đồng, do đó án phí ông N, bà A phải chịu là 43.318.356 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 27.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0071172 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tối cao;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh Q và bà Nguyễn Thị Kim T:

Buộc ông Mai Lê Thanh N, bà Phạm Thị Huỳnh A có trách nhiệm hoàn trả cho ông Dương Thanh Q, bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.043.945.205 đồng (một tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu

đồng), nợ lãi là 393.945.205 đồng (ba trăm chín mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ năm đồng) theo các giấy vay tiền đề ngày 25/7/2016, 27/7/2016, 01/11/2016.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh Q và bà Nguyễn Thị Kim T:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với Giấy vay tiền đề ngày 01/8/2016.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Lê Thanh N, bà Phạm Thị Huỳnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.318.356 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm mười tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho ông Dương Thanh Q, bà Nguyễn Thị Kim T toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0071172 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương